

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Phân tích hoạt động kinh doanh - 1104060

Mã lớp học phần: 110406002

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Mộng Loan

Ngày thi: 16/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Bà Thị Hoa Ký tên: Hoa

Giám thị 2: Quang Minh Ký tên: Minh

Giám thị 3: Mình Trung Ký tên: Trung

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130156	Đặng Thị Hồng	Nguyên	14/12/1994		8	Tam	C14KT2	
2	1210130157	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	28/08/1994		7,5	Bảy rưỡi	C14KT2	
3	1210130158	Trần Thị Thảo	Nguyên	05/10/1994		9,5	Chín rưỡi	C14KT2	
4	1210130161	Ngô Hà Minh	Nhật	03/10/1994		7	Bảy	C14KT2	
5	1210130162	Nguyễn Minh	Nhật	22/11/1994		5	Năm	C14KT2	
6	1210130163	Chung Gia	Nhi	25/06/1994		9	Chín	C14KT2	
7	1210130165	Đỗ Nguyễn Nhật	Nhi	11/01/1994		8,5	Tám rưỡi	C14KT2	
8	1210130164	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/01/1994		8,5	Tám rưỡi	C14KT2	
9	1210130166	Trương Thu	Nhi	12/09/1994		8	Tám	C14KT2	
10	1210130176	Trần Thị	Nhung	03/09/1993		7,5	Bảy rưỡi	C14KT2	
11	1210130167	Bằng Thủy	Như	25/07/1992		9,5	Chín rưỡi	C14KT2	
12	1210130170	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	14/06/1994		9	Chín	C14KT2	
13	1210130171	Nguyễn Thị Hồng	Như	18/02/1994		9	Chín	C14KT2	
14	1210130172	Phan Phụng	Như	12/03/1993		8	Tám	C14KT2	
15	1210130173	Bùi Anh	Nhật	14/11/1994		8	Tám	C14KT2	
16	1210130178	Đặng Thị Kim	Oanh	12/05/1994		9	Chín	C14KT2	
17	1210130179	Nguyễn Thị Kim	Oanh	23/10/1994		9	Chín	C14KT2	
18	1210130181	Trương Thị Kim	Oanh	04/11/1994		7,5	Bảy rưỡi	C14KT2	
19	1210130182	Vương Thủy	Oanh	02/12/1992		9	Chín	C14KT2	
20	1210130197	Trần Nguyễn Hồng	Phúc	04/12/1994		7	Bảy	C14KT2	
21	1210130194	Lê Kim	Phụng	17/09/1994		9	Chín	C14KT2	
22	1210130195	Phan Y	Phụng	22/05/1994		9,5	Chín rưỡi	C14KT2	
23	1210130196	Trần Kim	Phụng	17/10/1994		4,5	Bốn rưỡi	C14KT2	
24	1210130190	Đỗ Thị	Phượng	24/12/1994		5	Năm	C14KT2	
25	1210130186	Nguyễn Hoàng	Phượng	29/09/1994		4,5	Bốn rưỡi	C14KT2	
26	1210130187	Nguyễn Thị Linh	Phượng	26/11/1994		4	Bốn	C14KT2	
27	1210130191	Phùng Thị Lan	Phượng	19/11/1994		4,5	Bốn rưỡi	C14KT2	
28	1210130192	Trần Linh	Phượng	26/01/1994		7	Bảy	C14KT2	
29	1210130193	Võ Thị Kiều	Phượng	19/10/1994		9,5	Chín rưỡi	C14KT2	
30	1210130183	Hồ Thị Kim	Phượng	29/11/1994		9,5	Chín rưỡi	C14KT2	
31	1210130198	Trần Ngọc	Quang	21/12/1992		8	Tám	C14KT2	
32	1210130199	Dương Thị Thái	Quy	24/08/1994		9	Chín	C14KT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130203	Dương Mỹ	Quyên	13/11/1994			9,5	Chức nưn	C14KT2	
34	1210130200	Nguyễn Thị	Quyên	10/04/1994			8	Tam	C14KT2	
35	1210130202	Trần Thị	Quyên	01/07/1994			5	Nam	C14KT2	
36	1210130205	Huỳnh Thị	Sang	11/07/1994			7,5	Bảy nưn	C14KT2	
37	1210130206	Hoàng Thị	Sen	15/01/1994			7,5	Bảy nưn	C14KT2	
38	1210130207	Trần Thị Ngoài	Sinh	03/04/1994			7	Bảy	C14KT2	
39	1210130208	Nguyễn Thị Minh	Tâm	22/04/1994			6	Sáu	C14KT2	
40	1210130213	Nguyễn Thị Diệu	Thanh	31/10/1994			5	Nam	C14KT2	
41	1210130218	Lê Thị Thu	Thảo	10/10/1994			5,5	Nam nưn	C14KT2	
42	1210130219	Mai Phương	Thảo	30/10/1994			8	Tam	C14KT2	
43	1210130220	Ngô Thị Phương	Thảo	12/11/1994			8,5	Tam nưn	C14KT2	
44	1210130223	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/08/1994			4	Bốn	C14KT2	
45	1210130224	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/08/1993			8	Tam	C14KT2	
46	1210130225	Trương Thị Phương	Thảo	07/10/1993			7,5	Bảy nưn	C14KT2	
47	1210130216	Nguyễn Quang	Thái	13/06/1994			4	Nam	C14KT2	
48	1210130211	Nguyễn Trần Bảo	Thắng	02/05/1993			6,5	Sáu nưn	C14KT2	
49	1210130226	Nguyễn Việt	Trinh	17/10/1994			9	Cam	C14KT2	
50	1210130227	Hồ Thị Cẩm	Tú	24/05/1994			8	Tam	C14KT2	

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Phân tích hoạt động kinh doanh - 1104060

Giám thị 1: P. Thuận Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: 110406002

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: V. Phương Ký tên: [Signature]

Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Mộng Loan

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 16/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210130144	Võ Trang	Đài	02/06/1994	<u>[Signature]</u>	8,5	Tam nước	C14KT2	
2	1210130145	Cao Thị	Đàm	28/01/1994	<u>[Signature]</u>	6,5	Sau nước	C14KT2	
3	1210130177	Lý Văn	Đức	12/04/1993	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C14KT2	
4	1210130113	Đinh Minh	Hảo	27/10/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C14KT2	<u>ivan</u>
5	1210130112	Tổng Thị Lệ	Hằng	11/09/1994	<u>[Signature]</u>	6,5	Sau nước	C14KT2	
6	1210130114	Nguyễn Ngọc	Khánh	29/09/1993	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C14KT2	
7	1210130118	Đinh Thị Thùy	Linh	14/11/1993	<u>[Signature]</u>	8,5	Tam nước	C14KT2	
8	1210130119	Đỗ Thị Trúc	Linh	15/10/1994	<u>[Signature]</u>	8	Tam	C14KT2	
9	1210130115	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	24/10/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
10	1210130116	Nguyễn Thị	Linh	10/12/1992	<u>[Signature]</u>	6,5	Sau nước	C14KT2	
11	1210130117	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/12/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
12	1210130123	Nguyễn Thị Hồng	Loan	04/08/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
13	1210130124	Nguyễn Thị Thùy	Loan	28/04/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
14	1210130127	Võ Hoàng	Long	15/11/1992	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C14KT2	
15	1210130122	Nguyễn Thanh	Lộc	09/08/1993	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín nước	C14KT2	
16	1210130126	Lâm Tuấn	Lợi	13/05/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
17	1210130128	Nguyễn Thành	Luân	02/03/1994	<u>[Signature]</u>	8,5	Bảy nước	C14KT2	
18	1210130129	Đặng Thị	Luyến	03/12/1993	<u>[Signature]</u>	8	Tam	C14KT2	
19	1210130130	Ngô Thị Hồng	Luyến	19/09/1994	<u>[Signature]</u>	8,5	Tam nước	C14KT2	
20	1210130131	Vũ Thị	Luyến	22/03/1993	<u>[Signature]</u>	8	Tam	C14KT2	
21	1210130132	Nguyễn Thị Trúc	Ly	24/05/1994	<u>[Signature]</u>	8,5	Tam nước	C14KT2	
22	1210130134	Bùi Thị Tuyết	Mai	06/08/1991	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
23	1210130135	Dương Thanh	Mai	06/11/1994	<u>[Signature]</u>	0	Sau	C14KT2	
24	1210130133	Nguyễn Thị Tuyết	Mây	28/11/1991	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
25	1210130139	Ngô Tuyết	Minh	12/12/1993	<u>[Signature]</u>	8,5	Sau nước	C14KT2	
26	1210130140	Nguyễn Hoài	My	19/06/1994	<u>[Signature]</u>	6,5	Sau nước	C14KT2	
27	1210130142	Văn Thị Việt	Mỹ	05/08/1994	<u>[Signature]</u>				Nợ HP ✓
28	1210130138	Đặng Thị Thùy	Mỹ	22/01/1994	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C14KT2	
29	1210130148	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	04/02/1994	<u>[Signature]</u>	6,5	Sau nước	C14KT2	
30	1210130149	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	20/03/1994	<u>[Signature]</u>	8,5	Tam nước	C14KT2	
31	1210130150	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	21/09/1994	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C14KT2	
32	1210130152	Lý Đại	Ngọc	23/10/1993	<u>[Signature]</u>	8,5	Tam nước	C14KT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210130154	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/03/1993			7,5	Bảy rưỡi	C14KT2	
34	1210130155	Nguyễn Thị Ly Ly Ngọc	02/01/1994			8	Tám	C14KT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.